



TỈNH ỦY HƯNG YÊN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 41 - NQ/TU

Hung Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo
tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030**

I- TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO

1- Kết quả đạt được

Trong những năm qua, cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác giảm nghèo. Các chính sách, giải pháp giảm nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 được triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả, hướng tới người nghèo, các đối tượng yếu thế trong xã hội đã góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Hàng nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận vay vốn tín dụng ưu đãi; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí; được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại khi điều trị bệnh nội trú; miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, ăn trưa đối với trẻ mầm non, học sinh; xây dựng mới, sửa chữa về nhà ở; được tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí; được thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán,... nhờ đó, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh.

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh đã giảm từ 2,55% năm 2021 xuống còn 1,93% vào cuối năm 2022 (giảm 0,62%); tỷ lệ hộ cận nghèo giảm từ 2,56% năm 2021 xuống còn 2,01% vào cuối năm 2022. Kết quả này đã góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2- Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được trong thời gian qua, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế: Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, một số hộ thoát nghèo/Thoát cận nghèo lại tái nghèo/tái cận nghèo; vẫn phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo mới; tỷ lệ hộ nghèo còn có sự chênh lệch lớn giữa một số địa phương; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về việc làm, trình độ giáo dục của người lớn có xu hướng gia tăng; nhóm hộ dân khó thoát nghèo hoặc thoát nghèo thiếu bền vững còn chiếm tỷ lệ cao trong số hộ nghèo; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp triển khai thực hiện một số chính sách giảm nghèo giữa các

ngành hiệu quả chưa cao, nhất là công tác đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; chưa có nhiều giải pháp mang tính đột phá trong thực hiện các chỉ tiêu về giảm nghèo bền vững, nhất là phân bổ nguồn lực cho công tác giảm nghèo.

Những hạn chế về công tác giảm nghèo nêu trên có cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, song nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Một số cấp ủy, chính quyền chưa thực sự chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ công tác giảm nghèo. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của một số địa phương còn nhiều mặt hạn chế nên đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận hộ nghèo, hộ cận nghèo không có kỹ năng lao động, sản xuất, chưa chủ động vay vốn, tiếp cận, ứng dụng khoa học, kỹ thuật sản xuất, kinh doanh. Một số người nghèo có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ từ Nhà nước, cộng đồng, chưa thực sự nỗ lực vươn lên thoát nghèo và làm giàu. Nguồn lực phân bổ cho công tác giảm nghèo chưa đáp ứng yêu cầu.

II- MỤC TIÊU

1- Mục tiêu tổng quát

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần phát triển bền vững, bao trùm bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

2- Mục tiêu cụ thể

2.1- Mục tiêu đến năm 2025: Phần đầu tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm về mức khoảng 0,5% theo chuẩn nghèo đa chiều.

Các chỉ tiêu mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản đến năm 2025:

- Chiều việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- Chiều y tế: Tiếp tục duy trì 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn dưới 9% và tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi xuống còn dưới 15%.

- Chiều giáo dục, đào tạo: Trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi; tỷ lệ người lao động đủ điều kiện làm việc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt trên 68%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 29%; 100% người lao động đủ điều kiện làm việc thuộc hộ nghèo, hộ cận

nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều nhà ở: 100% hộ nghèo có khó khăn về nhà ở có nhu cầu xây mới, sửa chữa được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở.

- Chiều nước sinh hoạt và vệ sinh: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; trên 86% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thông tin: Trên 98% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

2.2- Định hướng đến năm 2030: Phấn đấu không còn hộ nghèo trên địa bàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền; phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác giảm nghèo bền vững; thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về giảm nghèo lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị, đồng thời xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong công tác giảm nghèo bền vững.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tăng cường vận động nhân dân tham gia giảm nghèo và thực hiện giám sát, phản biện xã hội về các chính sách giảm nghèo; phối hợp với các cơ quan liên quan làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo bền vững đến đoàn viên, hội viên và nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác giảm nghèo trong đời sống xã hội.

2- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về công tác giảm nghèo; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức và hành động trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Phát động và lan tỏa sâu rộng tinh thần “Toàn dân chung tay xây dựng xã hội không còn người nghèo” đến mọi người dân trong tỉnh.

Kịp thời, phát hiện, biểu dương, nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong thực hiện công tác giảm nghèo.

- Tuyên truyền, cổ vũ, động viên hộ nghèo, hộ cận nghèo có thêm nghị lực, động lực vượt khó, thoát nghèo và khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng.

3- Huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

- Nghiên cứu, xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững trong các ngành, lĩnh vực, địa phương. Tăng cường huy động các nguồn lực trong xã hội để thực hiện công tác giảm nghèo. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua "Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau"; vận động xây dựng Quỹ "Vì người nghèo" các cấp, các phong trào hỗ trợ hộ nghèo của các hội, đoàn thể, các tổ chức, nhóm thiện nguyện, nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội và thu hút các dự án đầu tư vào những nơi tập trung nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo. Thực hiện tốt công tác phối hợp, lồng ghép, phân bổ, sử dụng các nguồn lực trong tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, kế hoạch,... giảm nghèo, đảm bảo tập trung, có trọng tâm, trọng điểm. Khuyến khích các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, hỗ trợ các địa phương còn khó khăn, có tỷ lệ hộ nghèo cao, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập tại chỗ cho người dân.

- Tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội; nghiên cứu, mở rộng phạm vi, đối tượng, nguồn vốn, mức cho vay, điều kiện vay ưu đãi; đảm bảo đáp ứng nhu cầu vay vốn hợp pháp của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác.

4- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

- Thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước về giảm nghèo các cấp theo hướng tập trung, thống nhất đầu mối quản lý; tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cán bộ ở cơ sở. Chú trọng thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu trong quản lý, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu thực hiện chính sách an sinh xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; cung cấp thông tin, giúp người nghèo kết nối với thị trường lao động, thị trường hàng hóa, thị trường tài chính.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả việc sử dụng nguồn lực trong thực hiện công tác giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội của các địa

phương, đảm bảo các chế độ, chính sách hỗ trợ giảm nghèo được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện công tác giảm nghèo.

5- Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo trên cơ sở đánh giá các nguyên nhân dẫn đến nghèo và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

5.1- Về giải quyết các nguyên nhân dẫn đến nghèo

- Đối với hộ không có đất sản xuất: Rà soát, nâng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm, giới thiệu việc làm cho người không có đất sản xuất, nhất là những người ở độ tuổi từ 45 đến 60 tuổi.

- Đối với hộ không có vốn sản xuất, kinh doanh, không có công cụ/phương tiện sản xuất: Thực hiện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn; gắn việc triển khai tín dụng chính sách xã hội với định hướng về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ người dân kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm. Quan tâm, bố trí nguồn vốn tín dụng chính sách cho các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, thu hút nhiều lao động, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thông qua hỗ trợ con giống, giá thể, phân bón, thuốc bảo vệ thực phẩm, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất,...

- Đối với hộ không có lao động, hộ có người ốm đau, bệnh nặng, tai nạn: Thường xuyên rà soát, phân loại nhóm đối tượng không có khả năng thoát nghèo để có biện pháp, chính sách phù hợp. Xây dựng và ban hành chính sách nâng mức trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội không có khả năng lao động, ưu tiên nhóm đối tượng là người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đưa một số nhóm đối tượng đặc biệt khó khăn khác thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động vào nhóm đối tượng bảo trợ xã hội, hưởng mức trợ cấp xã hội hằng tháng vượt trên mức chuẩn nghèo đa chiều, góp phần nâng cao mức sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo, giúp họ ổn định cuộc sống, thoát nghèo bền vững. Các địa phương căn cứ tình hình thực tiễn, xây dựng kế hoạch bảo trợ dài hạn đối với hộ nghèo không có khả năng lao động bằng các hình thức khác nhau như vận động các tổ chức, cá nhân "bảo trợ" hằng tháng cho hộ nghèo, thực hiện mô hình các hộ khá giả giúp đỡ hộ nghèo hoặc mỗi chi bộ, hội, đoàn thể hỗ trợ hộ nghèo thoát nghèo.

- Đối với hộ không có kiến thức về sản xuất, hộ không có kỹ năng lao động, sản xuất: Hỗ trợ đào tạo nghề, bồi dưỡng kỹ năng lao động, sản xuất. Tăng cường tập huấn, tư vấn, hỗ trợ về công tác quảng bá, xúc tiến thương mại; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và tem, nhãn sản phẩm; xây dựng mối liên kết giữa nhà nông, nhà khoa học và doanh nghiệp trong hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng thương hiệu và hỗ trợ

tiêu thụ hàng hóa. Thực hiện hiệu quả dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, nhất là chuyển giao mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với hộ nghèo, hộ cận nghèo trên cơ sở phối hợp, lồng ghép các nguồn lực. Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển các hoạt động sinh kế tại chỗ nhằm phát huy lợi thế của mỗi địa phương, khai thác những sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh theo vùng, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, đảm bảo hộ thoát nghèo bền vững, hạn chế hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo.

5.2- Về giải quyết các mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Về việc làm: Thường xuyên khảo sát, đánh giá, phân loại nhu cầu của người lao động về năng lực, việc làm, lao động nhằm mục đích hướng dẫn, xây dựng chính sách tiếp cận, kết nối người lao động với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, đối tượng yếu thế. Xây dựng cơ chế, chính sách về thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở,... cho người lao động nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao trở về địa phương làm việc, lao động trẻ về nông thôn làm việc ổn định, lâu dài, góp phần tăng cường nguồn nhân lực cho các ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp nhận lao động thuộc các hộ nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế vào làm việc.

- Về y tế: Tiếp tục rà soát các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng tham gia bảo hiểm y tế, có lộ trình xây dựng chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế hằng năm đối với người ốm đau dài hạn, người mắc bệnh hiểm nghèo. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ can thiệp trực tiếp cho đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú, trẻ em dưới 5 tuổi tiếp cận với các can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng. Hỗ trợ can thiệp trực tiếp trẻ học đường (từ 5 đến dưới 16 tuổi) cải thiện bữa ăn học đường, theo dõi tình trạng dinh dưỡng định kỳ và tư vấn dinh dưỡng, hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng đảm bảo chỉ số thiếu hụt về dinh dưỡng ở mức giảm hằng năm.

- Về giáo dục và đào tạo: Sửa đổi, bổ sung và ban hành chính sách hỗ trợ, miễn, giảm học phí, chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Chú trọng đầu tư hệ thống giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và số lượng lao động có nền tảng thông qua tăng tỷ lệ học sinh đến trường, hoàn thành các bậc học cơ sở, trung học góp phần nâng cao nhân lực được đào tạo hoàn thành bậc học phổ thông. Có cơ chế, chính sách miễn, giảm chi phí đào tạo, bồi dưỡng nghề, kỹ năng lao động, làm việc, kinh doanh, quản lý; hỗ trợ, nâng mức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát

nghèo, hộ mới thoát cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế khác trên địa bàn tỉnh. Thực hiện chuyển đổi linh hoạt trong công tác đào tạo các ngành nghề đảm bảo “sát, đúng, trúng” với nhu cầu về lao động của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng nguồn nhân lực. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ, tiếp nhận, đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng yếu thế khác.

- Về nhà ở: Quan tâm, hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở, có nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở; hướng tới 100% hộ nghèo trên toàn tỉnh có khó khăn về nhà ở, có nhu cầu sửa chữa, xây mới nhà ở được tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về nhà ở. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương hỗ trợ xây mới và sửa chữa nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, cận nghèo của tỉnh theo Quy chế Quản lý và sử dụng Quỹ Vì người nghèo các cấp.

- Về nước sinh hoạt và vệ sinh: Tuyên truyền, huy động các nguồn lực tham gia và có chính sách hỗ trợ người nghèo xây dựng, hoàn thiện các công trình phụ, hệ thống nước sinh hoạt của nhà ở góp phần giảm tỷ lệ thiếu hụt về chỉ số đo lường nhà tiêu hợp vệ sinh và nguồn nước sinh hoạt. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, địa phương trong công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý vận hành, giám sát thực hiện công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận dễ dàng với nước sạch.

- Về thông tin: Đẩy mạnh tuyên truyền, khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng các phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin (ti vi, radio, máy tính và điện thoại có kết nối mạng). Có cơ chế hỗ trợ, hướng dẫn hộ nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông nhằm tăng khả năng tiếp cận thông tin, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân, góp phần giảm chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản về sử dụng dịch vụ viễn thông và phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin. Thực hiện hiệu quả việc hỗ trợ trang bị điện thoại thông minh, thiết bị di động, hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cho hộ nghèo theo Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, hướng tới 100% hộ nghèo có nhu cầu được hỗ trợ, tham gia Chương trình.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng đoàn, Ban cán sự đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng Kế hoạch hành động và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết; tuyên truyền, quán triệt, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân đối với công tác giảm nghèo bền vững; lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết tại địa phương, đơn vị.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Nghị quyết thành các cơ chế, chính sách của tỉnh về giảm nghèo đảm bảo đồng bộ, đúng quy định; đồng thời lãnh đạo kiểm tra thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình (kế hoạch) với mục tiêu, lộ trình cụ thể giảm nghèo hằng năm, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết; chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng chương trình (kế hoạch) thực hiện Nghị quyết và tổ chức thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình, có phân công, xác định trách nhiệm cụ thể; giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng Nghị quyết và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo.

5- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng, triển khai đồng bộ các giải pháp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

6- Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các Ban Đảng tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUTTTU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- LĐVPTU, TKBTTU,
- CV: KT-XH, TH,
- Lưu VPTU, CV^{Hương}.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Hữu Nghĩa